

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2020

(Kèm Quyết định số: /QĐ-STTTT ngày 12 tháng 10 năm 2020)

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 9 tháng đầu năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện 9 tháng năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
1	Số thu phí, lệ phí	119	56,00		
1.1	Lệ phí	-	0,15		
1.2	Phí	119	55,85		
	- Phí thẩm định tài liệu không kinh doanh	119	55,85	46,93%	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
I	Chi quản lý hành chính	107	23,11		
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	107	23,11	21,60%	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	12			
	- Phí thẩm định tài liệu không kinh doanh	12	5,73	47,79%	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
I	Nguồn ngân sách trong nước	34.641	4.106		
1	Chi quản lý hành chính	5.222	2.766		
a	Văn phòng Sở Thông tin - Truyền thông	5.222	2.766		
	- Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	4.615	2.660	58%	
	<i>Trong đó:</i>				
	<i>Kinh phí tiết kiệm 10% thực hiện cải cách tiền lương</i>	175		0,00%	
	- Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	607	105,8	17%	
	+ Trang phục thanh tra	6	6	97%	
	+ Kinh phí hoạt động của Ban Chỉ đạo CNTT	300	2	0,65%	
	+ Kinh phí hoạt động công tác Đảng	38	20	53%	
	+ Kinh phí Hội thảo phục vụ ĐH Đại biểu Đảng bộ tỉnh BRVT	75	60	80%	
	+ Kinh phí phục vụ ĐH Đại biểu Đảng bộ cơ sở Sở Thông tin và Truyền thông	18	18	100%	
	+ Kinh phí phục vụ hoạt động xử phạt vi phạm hành chính	110		0,00%	
	+ Kinh phí hợp định kỳ công tác triển khai kế hoạch phối hợp giữ quân khu 7 và Sở TTT các tỉnh, thành phố	60		0,00%	
2	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	22.127	15		
a	Chi công nghệ thông tin	22.112	15		
	- Văn phòng Sở Thông tin - Truyền thông	1.790	15	0,83%	
	- Trung tâm CNTT&TT	20.322		0,00%	
b	Chi chuyển đổi, xây dựng, áp dụng, duy trì, cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN 2015:9001	15		0,00%	
3	Chi sự nghiệp đào tạo	992	7		

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 9 tháng đầu năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện 9 tháng năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
	- Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	992	7	1%	
4	Các hoạt động kinh tế	1.549	-		
a	Trung tâm công nghệ thông tin và truyền thông	1.549			
	- Kinh phí thường xuyên	1.283			
	<i>Trong đó:</i>				
	<i>Kinh phí tiết kiệm 10% thực hiện cải cách tiền lương</i>	44			
	<i>Kinh phí hợp đồng lao động (theo nghị định 68 và Nghị định 161)</i>	116			
	- Kinh phí không thường xuyên	266			
	+ Kinh phí phòng chống lụt bão	239		0,00%	
	+ Chi phí bảo trì, bảo dưỡng máy phát điện	17		0,00%	
	+ Chi phí bảo trì bảo dưỡng máy lạnh TT THDL	10		0,00%	
5	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	4.512	995		
a	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	4.512	995		
	+ Hoạt động báo chí xuất bản (Nhuận bút tin bài, in tập san, thăm cơ quan báo chí ...)	1.122	995	89%	
	+ Tổ chức Ngày sách Việt Nam	165		0,00%	
	+ Thực hiện công tác thông tin đối ngoại	1.650		0,00%	
	+ Tuyên truyền bảo vệ môi trường phát triển bền vững biển giai đoạn 2020-2022 tại huyện Côn Đảo	1.200		0,00%	
	+ Kinh phí thực hiện cuộc vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam"	125		0,00%	
	+ Công tác phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội và xây dựng phong trào "Toàn dân bảo vệ tổ quốc" năm 2020	125		0,00%	
	+ Chương trình hội nhập quốc tế	125		0,00%	
6	Chi khen thưởng	13	-		
	- Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	13		0,00%	
7	Chi trợ cấp tết nguyên đán	103	103		
	- VP Sở	65	65	100,00%	
	- TT CNTT&TT	38	38	100,00%	
8	Chi chương trình, mục tiêu, đề án	226	221		
	- Đề án trợ giúp người khuyết tật	77	75	97,89%	
	- Đề án nghề công tác xã hội	72	70	97,51%	
	- Đề án người cao tuổi	77	75	97,68%	

Thủ trưởng đơn vị

Lê Văn Lâm